

Số: 10/2024/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 2641/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí, ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc.

- Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, ngập lụt, nước dâng.

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến địa bàn của tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn.

b) Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Ưu tiên bố trí, sắp xếp ổn định hộ gia đình, cá nhân ở nơi bị ảnh hưởng thiên tai, vùng có nguy cơ về thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, ngập lụt, nước dâng) đến nơi định cư an toàn.

2. Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm hoặc theo giai đoạn. Địa bàn bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ phải đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu; phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương.

3. Phạm vi sắp xếp, bố trí dân cư: Việc bố trí ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, huyện, tỉnh. Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân đi ngoài tỉnh, cần thống nhất tỉnh có dân đi và tỉnh có dân đến để bố trí theo quy hoạch.

4. Việc hỗ trợ phải công bằng, công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng. Trong trường hợp có nhiều mức hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung và đối tượng thì chỉ áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có); san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

2. Hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Nghị quyết

a) Điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ ổn định dân cư tập trung, xen ghép: Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này; làm bản cam kết tự nguyện tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư theo Phụ lục V ban

hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hỗ trợ bố trí ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ; hộ gia đình, cá nhân làm bản cam kết tự nguyện tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ kinh phí di chuyển người và tài sản cho các hộ gia đình, cá nhân ở nơi bị thiên tai, vùng có nguy cơ về thiên tai, di cư tự do thực hiện bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép.

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ kinh phí để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác thực hiện bố trí ổn định dân cư tại chỗ, chỉ hỗ trợ 01 (một) lần trên hộ.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) khi đã hoàn thành việc di dời đến nơi ở mới an toàn; nâng cấp nhà ở, gia cố đất ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2024. / *KV*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, NN và PTNT, TC, KH vàĐT, LĐ-TB và XH;
- Vụ pháp chế các Bộ: NN và PTNT, TC, KH vàĐT, LĐ-TB và XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, KH vàĐT, TC, NN và PTNT, XD, LĐ-TB và XH, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH; Báo Trà Vinh;
- Cổng thông tin điện tử Trà Vinh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái